

MÔI TRƯỜNG VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

**CHÍNH SÁCH CÔNG VÀ VĂN HÓA ỨNG XỬ ĐỐI VỚI
NGUỒN NƯỚC: THỰC TRẠNG CỦA SÔNG MEKONG
VÀ SÔNG HỒNG TỪ GÓC NHÌN SINH THÁI VĂN HÓA**

ĐINH HỒNG HẢI

TÓM TẮT

Thế giới của chúng ta đã bước sang thế kỷ thứ XXI hơn một thập niên. Nếu coi thế kỷ thứ XIX và XX là những thế kỷ của phát minh thì thế kỷ XXI chính là “thế kỷ hưởng thụ”. Với vô số thiết bị và phương tiện tiện dụng như máy tính, điện thoại, ô tô, máy bay, du thuyền, tàu cao tốc,... loài người đang “say sưa” hưởng thụ những thành quả phát minh mà cha ông họ đã tìm ra từ những thế kỷ trước. Tuy nhiên, tất cả các loại thiết bị, phương tiện công nghệ đã được phát minh đều cần năng lượng để chế tạo và vận hành. Và con người dường như đang lãng quên một điều rằng: món quà mà “bà mẹ thiên nhiên” ban cho họ là quá ít ỏi so với nhu cầu tiêu dùng tăng nhanh và dân số tăng cao của loài người. Nhiều loại nhiên liệu hóa thạch sẽ chỉ đủ dùng trong vài thập niên tới⁽¹⁾. Cùng với sự tiêu dùng quá mức nguồn nhiên liệu hóa thạch, loài người đang thải ra ngày càng nhiều khí CO₂ - tác nhân gây hiệu ứng nhà kính (Greenhouse Effect) và biến đổi khí hậu (Climate Change), cùng các loại chất thải hữu cơ và vô cơ khác - tác nhân hủy hoại quỹ đất và nguồn nước. Mặc dù vậy

hết nhiên liệu hóa thạch chưa phải là hồi kết của thế giới mà chúng ta đang sống, nhưng nếu cạn kiệt nguồn nước thì loài người sẽ không thể tồn tại. Bài viết sẽ tập trung đề cập đến yếu tố này trên cơ sở lý thuyết Sinh thái văn hóa (Cultural Ecology) để tìm hiểu những mối tương quan giữa Con người-Môi trường-Văn hóa và hệ lụy của các chính sách công (Public Policies) trong việc quản lý nguồn nước cũng như văn hóa ứng xử với môi trường sinh thái hiện nay tại lưu vực của hai trong số những con sông quan trọng nhất trên thế giới: sông Mekong và sông Hồng.

1. THỰC TRẠNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ ÁP LỰC GIA TĂNG DÂN SỐ TẠI LƯU VỰC SÔNG MEKONG VÀ SÔNG HỒNG TỪ LÝ THUYẾT SINH THÁI VĂN HÓA

Hầu hết các công ty du lịch hiện nay ở Ấn Độ cũng như Đông Nam Á đều đăng nổi bật những hình ảnh quảng bá du lịch cho sông Mekong và sông Hồng giống như những thiên đường nghỉ dưỡng với dòng nước tinh khiết, không khí trong trẻo, con người thanh thoi, cảnh vật êm đềm,... bằng những dòng chữ nổi bật: *Hàng hà điểm đến tuyệt vời, du lịch sinh thái Mekong* (Ganga Wonderful Place, Mekong

Đinh Hồng Hải. Tiến sĩ. Viện Nghiên cứu Văn hóa Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

Eco Tour),... Nhưng dường như thực tế lại hoàn toàn trái ngược với những gì được quảng cáo. Nếu chỉ nhìn bề ngoài, chúng ta dễ bị đánh lừa bởi cảm giác về những dòng sông thơ mộng, những miền đất thần tiên như nhiều tác phẩm thơ, ca, nhạc, họa, nhiếp ảnh và điện ảnh đã đề cập đến, hoặc chí ít chúng cũng đã từng như vậy trong quá khứ. Tuy nhiên, nếu đi sâu tìm hiểu trên cơ sở khoa học bằng những phương pháp nghiên cứu cụ thể sẽ khó tránh khỏi những cái “giật mình.” Vậy thực trạng của hai con sông này ra sao? Chính quyền và người dân ở những nơi này đã và đang ứng phó như thế nào? Tương lai của những dòng sông này sẽ đi về đâu?

1.1. Sơ lược về lý thuyết sinh thái văn hóa

Lý thuyết *Sinh thái văn hóa* (Cultural Ecology) nghiên cứu về sự thích nghi của con người đối với môi trường tự nhiên và xã hội. Sự thích nghi của con người được đề cập đến ở đây bao gồm cả tiến trình sinh học và văn hóa cho phép một số lượng dân cư giới hạn tồn tại và tái tạo trong một phạm vi môi trường được định ra hoặc phải thay đổi môi trường sống (David, Joralemon, 2010, tr. 165). Theo đó, môi trường tự nhiên là nguồn cung cấp chủ yếu đối với các tổ chức xã hội của con người với quy mô nhỏ, chẳng hạn như các tập đoàn người nguyên thủy hoặc bộ lạc xa xưa. Ở môi trường dạng này, sự tái tạo của tự nhiên có đủ (hoặc thừa) cho nhu cầu của con người và *săn bắt-hái lượm* chính là hình thức kiếm sống phù hợp và đã trở nên phổ biến nhất. Nhưng khi nhu cầu của con người vượt quá khả năng tái tạo của tự nhiên trong môi trường mà họ sinh sống, con người hoặc sẽ hủy hoại môi

trường tự nhiên, hoặc sẽ phải biến đổi môi trường sống sao cho phù hợp với hoàn cảnh mới. Lý thuyết Sinh thái văn hóa được nhà nhân học người Mỹ Julian Haynes Steward (1902-1972) khởi xướng và đề cập đến trong cuốn sách nổi tiếng của ông xuất bản năm 1955 - *Lý thuyết về biến đổi văn hóa: Phương pháp luận tiến hóa đa tuyến* (Theory of Culture Change: The Methodology of Multilinear Evolution). Theo ông, sinh thái văn hóa là *cách thức mà quá trình biến đổi văn hóa tạo bởi sự thích nghi với môi trường*, được tiếp cận qua 3 điểm sau: 1) *Tập hợp cách sử dụng hiệu quả phương pháp và công nghệ đối với môi trường để thu lợi từ đó.* 2) *Tìm hiểu các hình mẫu của hành vi/văn hóa của con người nhằm thích nghi, tồn tại với môi trường.* 3) *Xác định giá trị của các hình mẫu của hành vi ảnh hưởng ra sao đối với diện mạo của văn hóa.*

Đề cập đến lý thuyết này, từ điển bách khoa mở Wikipedia định nghĩa như sau: Mô hình sinh thái văn hóa “tìm hiểu mối tương quan giữa văn hóa và môi trường tự nhiên, một bổ sung cho cái mà mô hình mâu thuẫn xã hội cũng như cấu trúc chức năng ít coi trọng. Nó đưa ra các liên kết giữa những mẫu văn hóa với giới hạn mà con người gặp phải trong môi trường tự nhiên ví dụ như đặc điểm khí hậu, tính khả dụng của nước, lương thực và các tài nguyên thiên nhiên khác. Tuy vậy mô hình có hạn chế ở chỗ môi trường tự nhiên hiếm khi định hình các mẫu văn hóa một cách trực tiếp mà văn hóa và tự nhiên tương tác với nhau. Mặt khác, các yếu tố văn hóa liên kết với tự nhiên một cách rất không đồng đều về mức độ⁽²⁾. Có thể nhận thấy, phạm vi các vấn đề mà lý thuyết này đề cập đến khá

rộng nhưng đều tập trung ở mối quan hệ giữa *môi trường và văn hóa* thông qua các tác động của *con người*. Nói cách khác, đó chính là mối quan hệ giữa môi trường và văn hóa ứng xử của con người với môi trường. Trọng tâm của lý thuyết này giúp chúng ta có thể nhận biết được những nguy cơ hủy hoại môi trường đến từ chính con người và từ mặt trái của quá trình phát triển. Qua đó có thể ứng dụng vào quá trình phát triển trên cơ sở các vấn đề có liên quan đến sinh thái văn hóa thông qua các chính sách công phù hợp với điều kiện sống mới và với môi trường mới.

Từ các mối quan hệ nêu trên, nhận thức được nguy cơ nghiêm trọng đến từ sự tàn phá môi trường của con người, *Hội nghị quốc tế về con người và môi trường* đã được Liên Hợp Quốc tổ chức tại thủ đô Stockholm của Thụy Điển ngày 5-6/6/1972. Tại đây, Liên Hợp Quốc đã thống nhất các mục tiêu và hành động nhằm bảo vệ môi trường và chọn ngày 5/6 hàng năm là *Ngày Môi trường thế giới*. Theo Nghị quyết số 2977 ngày 15/12/1972 của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc và kết luận bổ sung năm 1992, tuyên bố Nairobi về quyền và vai trò của *Chương trình môi trường Liên Hợp Quốc* (The United Nations Environment Programme-UNEP) đã được thông qua. Đây chính là một bước tiến quan trọng của nhân loại đối với vấn đề bảo vệ môi trường bằng một chính sách công có quy mô toàn cầu. Mở ra trang mới trong lịch sử của nhân loại về chính sách hợp tác giải quyết các vấn đề môi trường toàn cầu. Tuy nhiên, sau 40 năm ra đời, ý tưởng nói trên của Liên Hợp Quốc mới chỉ đạt được một số mục tiêu mang tính chính trị mà chưa có tác động rõ nét đối với những vấn đề về

môi trường đang diễn ra ngày một gay gắt. Cụ thể như: Việc thực hiện các cam kết về Chống biến đổi khí hậu⁽³⁾ bằng lộ trình *giảm lượng khí thải các-bon gây hiệu ứng nhà kính* qua *Nghị định thư Kyoto* không có chữ ký của nhiều nước trong đó có hai cường quốc khí thải là Mỹ và Trung Quốc (hai quốc gia này thải ra 2/3 lượng khí thải các-bon gây hiệu ứng nhà kính của toàn thế giới). Bên cạnh đó, các tác nhân gây ô nhiễm môi trường trầm trọng nhất thường đến từ những cường quốc mới nổi như Ấn Độ và Trung Quốc do khung pháp lý về môi trường không theo kịp tốc độ phát triển quá nhanh và sự gia tăng dân số quá mạnh. Đặc biệt, những tác động xấu đến bốn con sông lớn nhất châu Á⁽⁴⁾ có sự “đóng góp” vô cùng lớn của hai quốc gia này. Dưới đây chúng tôi sẽ đi sâu tìm hiểu các vấn đề có liên quan đến *biến đổi khí hậu* và *gia tăng dân số* trên cơ sở lý thuyết sinh thái văn hóa tại lưu vực của sông Mekong và sông Hằng.

1.2. Lý thuyết sinh thái văn hóa với vấn đề biến đổi khí hậu tại lưu vực sông Mekong và sông Hằng

Từ “sự thích nghi với môi trường” do “cách thức mà quá trình biến đổi văn hóa” tạo ra như Julian Steward đã nêu trong lý thuyết của ông, chúng ta sẽ tìm hiểu lý do tại sao thực trạng hiện nay của sông Mekong và sông Hằng lại đáng lo ngại. Có thể nói, trong hàng nghìn năm qua loài người sinh sống khá cân bằng với môi trường tự nhiên, họ khám phá, khai phá và khai thác tự nhiên trong khả năng tái tạo của tự nhiên. Nhưng chỉ trong khoảng 2-3 thế kỷ trở lại đây vấn đề môi trường bỗng trở nên nguy hiểm rõ rệt do sự tàn phá quá mức của con người. Đặc biệt, chưa bao giờ thế

giới mà chúng ta đang sống lại thay đổi nhanh như trong những thập niên gần đây, nguyên nhân chủ yếu là do tác động từ sự phát triển của công nghệ và ý thức của con người. Sự phát triển của khoa học công nghệ đã khiến cho trái đất dường như bị thu hẹp lại. Những nơi từng được gọi là xa xôi hẻo lánh khi xưa, giờ đây đã biến thành những thành phố, thị xã, thị trấn đông đúc và sôi động. Những vùng *rừng thiêng nước độc*, nay đã biến thành các khu công nghiệp hoặc các khu dân cư... Công nghệ hiện đại đã giúp con người khai thác hàng tỷ tấn dầu thô, than đá, khoáng sản chỉ trong một khoảng thời gian hết sức ngắn. Điều đó giúp cho năng lực khai thác tăng lên gấp hàng chục, hàng trăm lần, nhưng đó cũng chính là căn nguyên dẫn con người đến các thảm họa về môi trường và biến đổi khí hậu do khai thác quá mức nguồn lợi tự nhiên và sử dụng quá nhiều nhiên liệu hóa thạch. Càng khai thác nhiều con người lại càng tiêu thụ nhiều. Điều này dẫn đến tình trạng đất đai bị sa mạc hóa nhanh, không khí và nước bị ô nhiễm nặng, tầng ozone bị "thủng" và khí hậu nóng lên. Khí hậu thay đổi khiến nhu cầu sử dụng năng lượng càng tăng nhanh và nguồn nhiên liệu hóa thạch sắp đến lúc cạn kiệt (Xem chú thích số 1). Giải pháp ngắn và trung hạn của các nhà công nghệ là xây các đập thủy điện và nhà máy điện hạt nhân. Còn các giải pháp dài hạn như xây nhà máy điện mặt trời, điện gió hay điện thủy triều mới chỉ đáp ứng được một vài phần trăm nhu cầu nhưng lại ngốn những khoản đầu tư khổng lồ mà các nước đang phát triển không thể với tới.

Để thích nghi với sự thay đổi quá nhanh của quá trình biến đổi khí hậu, con người đã lệ

thuộc vào công nghệ mà không còn đủ thời gian để thích nghi thông qua các "hình mẫu của hành vi/văn hóa" như Steward đề xuất. Mặc dù lý thuyết của ông ra đời cách đây hơn nửa thế kỷ nhưng cơ hội để chúng ta có thể áp dụng vào thực tiễn có vẻ như đã muộn vì những tác động quá nhanh và quá mạnh của công nghệ và các chính sách công ích kỹ từ các chính phủ của các nước đang phát triển đã làm thay đổi quá nhanh môi trường tự nhiên. Điều này được nhìn thấy một cách rõ nét trong việc hủy hoại các dòng sông để xây đập thủy điện mà sông Mekong là một trong những "nạn nhân" tiêu biểu nhất với tám con đập cắt ngang "cơ thể" của nó trên vùng thượng lưu tại Trung Quốc và 23 đập tại hạ lưu và chi lưu của Mekong tại Lào⁽⁵⁾. Trong khi đó, sự phát triển quá nhanh của số lượng dân cư sinh sống trong lưu vực của sông Hằng đã khiến cho con sông này bị suy giảm nhanh lượng nước (do lượng nước tưới dùng trong nông nghiệp và sinh hoạt tăng cao nhằm đảm bảo an ninh lương thực cho hàng tỷ người) ở khu vực thượng lưu trên lãnh thổ Ấn Độ. Trong khi đó ở khu vực hạ lưu trong lãnh thổ Bangladesh, tình trạng ngược lại đang diễn ra: Lũ lụt do quá trình tàn phá rừng đầu nguồn và ở thượng lưu khiến cho nước đổ về hạ lưu quá nhanh, điều này dẫn đến các thảm họa môi sinh khiến hàng nghìn người chết và hàng trăm nghìn người mất nhà cửa mỗi năm ở quốc gia cửa sông này. Cùng với hạn hán ở thượng nguồn, lũ lụt ở hạ nguồn, chất thải từ các nhà máy và chất thải sinh hoạt của người dân hầu hết đều đổ xuống sông không qua xử lý khiến cho dòng sông này đang phải chịu áp lực khủng khiếp.

Sự thích nghi với môi trường theo lý thuyết sinh thái văn hóa của Julian Steward có thể bị “bẻ gãy” vì quá trình phát triển bất chấp quy luật tự nhiên của con người trong giai đoạn hiện nay. Nếu điều này xảy ra, sẽ không còn có một “hình mẫu của hành vi/văn hóa” nào của con người phù hợp với một môi trường tự nhiên đã bị hủy hoại. Và “cách thức mà quá trình biến đổi văn hóa” có thể giúp cho con người thích nghi với môi trường (theo lý thuyết của Julian Steward) có thể cũng không còn phù hợp vì môi trường hiện nay dường như không còn là môi trường tự nhiên đúng nghĩa mà là một môi trường nhân tạo. Một ví dụ cụ thể là nhiều người hiện nay đang phải sống phần lớn thời gian trong môi trường nhân tạo của họ với máy điều hòa không khí. Có thể thấy, những giả thuyết đúng đắn và có tính khả thi của Julian Steward từ giữa thế kỷ XX nếu được áp dụng sớm sẽ mang lại lợi ích to lớn và lâu dài cho nhân loại. Nhưng nếu sức tàn phá tự nhiên của con người vượt quá những gì mà lý thuyết của ông đã đề cập thì tính hợp lý của những lý thuyết như vậy sẽ không còn tác dụng. Vậy điều gì có thể “bẻ gãy” các lý thuyết như vậy? Câu trả lời là *các chính sách công* ích kỷ và *văn hóa ứng xử* phi khoa học mà chúng tôi sẽ đề cập đến trong mục 2.

1.3. Lý thuyết sinh thái văn hóa với vấn đề gia tăng dân số tại lưu vực sông Mekong và sông Hằng

Cùng với những tác động ngày càng gay gắt của biến đổi khí hậu do sự phá vỡ cân bằng tự nhiên, vấn đề gia tăng dân số cũng đang là một trong những thách thức lớn mà loài người phải đối mặt. Dân số trên địa cầu đã tăng từ khoảng 350-375

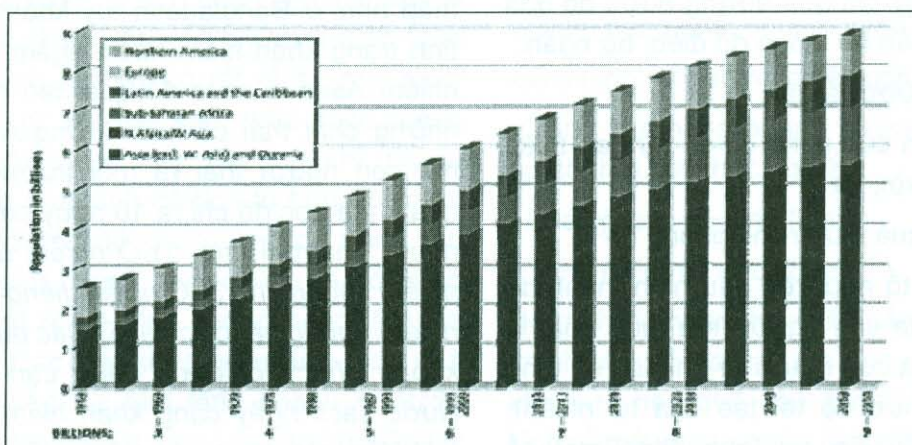
triệu người vào năm 1400⁽⁶⁾ lên đến 7 tỷ người năm 2011 (gấp 20 lần trong 6 thế kỷ) và với tốc độ tăng như hiện nay, dự kiến dân số thế giới sẽ là 9 tỷ người năm 2040 (xem Biểu đồ 1). Có thể nói, *quả bom dân số* cũng là một trong những nguy cơ lớn không hề thua kém so với biến đổi khí hậu, dịch bệnh và chiến tranh hạt nhân đang đe dọa sự tồn tại của loài người. Điển hình cho tình trạng dân số tăng nhanh chính là châu Á (xem Biểu đồ 1), và lưu vực sông Mekong và sông Hằng là những nơi chịu tác động nhiều nhất và rõ nét nhất. Tại sao tình trạng gia tăng dân số lại là một nguy cơ đối với môi trường? Lý thuyết sinh thái văn hóa có tác động như thế nào đối với vấn đề nói trên? Dưới đây chúng tôi sẽ từng bước tiếp cận các vấn đề đó.

Gia tăng dân số đã được nhiều phương tiện thông tin truyền thông đề cập đến thông qua những vấn đề có liên quan như an ninh lương thực, sức khỏe sinh sản, phúc lợi xã hội, v.v. Tuy nhiên, vấn đề áp lực gia tăng dân số và nguy cơ phá vỡ môi trường sống lại rất ít được đề cập, đặc biệt là ở các quốc gia nghèo và đang phát triển. Câu thành ngữ tiếng Việt “Trời sinh voi, Trời sinh cỏ” có lẽ không còn đúng trong giai đoạn hiện nay vì môi trường tự nhiên dành cho *voi* và *cỏ* (tức con người/động vật và lương thực/thức ăn) đã có những biến đổi hết sức lớn dưới sức tác động vô cùng mạnh mẽ của con người. Tình trạng mất cân bằng sinh thái hiện nay đang diễn ra tràn lan trên nhiều lĩnh vực hoạt động của con người: Từ khai khoáng đến xử lý chất thải, từ hủy hoại đất canh tác đến ô nhiễm nguồn nước, từ phá vỡ cân bằng tự nhiên đến lỗ thủng tầng ozone,... Có thể nói, tốc độ tăng dân số cùng với sự phát

triển của máy móc và công nghệ đang trở thành một loại “vũ khí” hủy diệt môi trường mạnh hơn tất cả mọi loại vũ khí mà con người đã từng sử dụng, trừ vũ khí hạt nhân. Nếu chúng ta không sớm “hoàn trả cho tự nhiên những gì của tự nhiên” thì Ngày tận thế do chính con người gây ra sẽ là một hiện thực có thể dự báo trước. Tìm hiểu sự cân bằng sinh thái trên cơ sở lý thuyết sinh thái văn hóa để áp dụng vào các chính sách công và văn hóa ứng xử chính là một trong những giải pháp tốt nhất để loài người có thể tránh được những hiểm họa do chính họ gây ra cho con cháu của mình (Xem Biểu đồ 1).

Hiện nay dân số tại lưu vực sông Mekong khoảng 70 triệu người và dân số tại lưu vực sông Hằng là 400 triệu người. Tình trạng mất cân bằng sinh thái hiện đang diễn ra ngày càng trầm trọng tại lưu vực chính của hai con sông này. Điều đáng lưu tâm là chỉ với hơn 70 triệu dân nhưng Đồng bằng châu thổ sông Mekong là vừa

lúa lớn nhất thế giới với hai cường quốc xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới là Thái Lan và Việt Nam. Vừa lúa này hiện đang ngày càng bị thu hẹp do quá trình ngập mặn và tốc độ đô thị hóa nhanh. Hơn thế, những chính sách công ích kỷ từ quốc gia thượng nguồn đã và đang làm biến đổi lưu lượng nước của sông Mekong khiến cho sản lượng cá và lúa trong lưu vực sông này bị ảnh hưởng một cách trầm trọng. Cùng với tốc độ tăng dân số và giảm diện tích canh tác lúa một cách nhanh chóng tại lưu vực sông Mekong, sức ép đối với lưu vực của dòng sông đang hiện hiện ngày càng rõ. Arjun Thapan, cố vấn Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) trong tuyên bố ngày 20/2/2012 cho rằng, vừa lúa của Việt Nam đang bị đe dọa nghiêm trọng và lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam có nguy cơ giảm 85% do sự suy giảm dòng chảy ở vùng thượng lưu sông Mekong. Hệ lụy kéo theo là nước biển có thể lấn sâu khoảng 100km vào sâu trong đất liền... Nếu tất cả các dự



Biểu đồ 1. Gia tăng dân số thế giới trong 100 năm (1950-2050).

Nguồn: Website Đại học Michigan, Hoa Kỳ.

http://www.globalchange.umich.edu/globalchange2/current/lectures/human_pop/human_pop.html.

(Lưu ý: Phần trên cùng là dân số châu Âu rất ít thay đổi, dưới cùng là dân số châu Á tăng rất nhanh).

án thủy điện được tiến hành, sản lượng cá của toàn khu vực sẽ giảm 45% (dẫn theo Bích Ngọc). Điều đó cho thấy, tỷ lệ nghịch của vấn đề tăng dân số và giảm sản lượng lương thực/thực phẩm ở vùng châu thổ sông Mekong không chỉ ảnh hưởng tới an ninh lương thực của người dân Đông Nam Á mà hệ lụy của nó còn lan ra ở mức độ toàn cầu. Và thực tế là giá lương thực liên tục tăng trong những năm vừa qua, riêng năm 2011 giá ngũ cốc đã tăng 35% (dẫn theo Bích Ngọc).

Tại lưu vực sông Hằng, dân số tăng nhanh khiến cho tính cân bằng của môi trường tự nhiên trở nên đặc biệt dễ tổn thương, chỉ một thay đổi nhỏ cũng khiến cho nhiều yếu tố khác bị ảnh hưởng. Toàn bộ các yếu tố có liên quan đến môi trường có liên hệ với yếu tố dân số bao gồm:

- Nhu cầu tăng cao về các nguồn cung tự nhiên dùng cho các hoạt động phát triển;
- Mức độ nhiễm mặn tăng cao;
- Bệnh tật lây lan qua đường nước do quá trình phát triển hệ thống đê điều, bờ ngăn;
- Ô nhiễm nước và đất;
- Sự suy tàn của nghề cá do sự can thiệp của con người; và
- Chặt phá quá mức rừng phòng hộ⁽⁷⁾.

Những yếu tố nêu trên đều hình thành do tác động của con người (mà thực chất là tác động của con người từ khi dân số tăng vượt quá mức độ tái tạo của tự nhiên). Nếu căn cứ vào sự "cho phép một số lượng dân cư giới hạn tồn tại và tái tạo trong một phạm vi môi trường" theo lý thuyết sinh thái văn hóa của Julian Steward thì gia tăng dân số chính là một trong những nguyên nhân trọng yếu phá

vỡ tính cân bằng của môi trường sống vốn đã song hành cùng con người trong hàng nghìn năm qua.

2. TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ GIA TĂNG DÂN SỐ ĐỐI VỚI NGUỒN NƯỚC CỦA SÔNG MEKONG VÀ SÔNG HẰNG

Chỉ trong một thời gian rất ngắn với nhu cầu tăng cao và tình trạng khai thác quá mức, con người đã phải đối mặt với sự suy giảm nghiêm trọng nguồn lợi từ thiên nhiên, từng bị hiểu lầm là "vô tận". Thậm chí với một loại sản phẩm sẵn có của thiên nhiên tưởng chừng như không bao giờ cạn là nước, thì giờ đây nó cũng đang cạn dần ở nhiều con sông, vùng biển hoặc hồ lớn như biển Chết ở Trung Đông, biển hồ Caspi, biển Đen ở lục địa Á-Âu, v.v. Mục nước ngầm - nguồn cung cấp nước uống cho nhiều khu vực trên thế giới - đã giảm xuống hàng chục mét, thậm chí là hàng trăm mét (như ở Ấn Độ) chỉ trong vòng 1-2 thập kỷ qua. Những khu vực có địa hình thấp như ở Bangladesh tuy không xảy ra tình trạng khan hiếm nước ngầm thì lại bị nhiễm Asen ở mức độ quá cao do chính những chất thải có hàm lượng Asen cao mà con người thải ra môi trường... Các nhà khoa học đã chỉ ra 10 nguy cơ mà con người phải đối mặt: 1) *Ô nhiễm đất*. 2) *Ô nhiễm không khí*. 3) *Ô nhiễm tiếng ồn*. 4) *Ô nhiễm phóng xạ, bức xạ*. 5) *Các tài nguyên không phục hồi được đang cạn dần*. 6) *Nước sạch ngày càng khan hiếm*. 7) *Suy kiệt dần các tài nguyên biển*. 8) *Rừng bị thu hẹp đi đôi với sự gia tăng đất bị sa mạc hóa*. 9) *Đa dạng sinh học bị giảm sút nhanh chóng*. 10) *Sự mất ổn định khí hậu và gia tăng các tai họa thiên nhiên*⁽⁸⁾. Có thể thấy những nguy cơ đó chính là do sự

tàn phá và phung phí quá mức nguồn tài nguyên thiên nhiên của con người. Lỗi sống vô trách nhiệm đối với môi trường là hậu quả của những hành vi ứng xử phi khoa học và thói vị kỷ của con người. Nếu chúng ta không giải quyết tốt mối quan hệ *con người-môi trường-văn hóa* thì sự hủy diệt môi trường sống là điều tất yếu sẽ xảy ra. Và trên thực tế, nó đã bắt đầu phát tán tại nhiều nơi mà lưu vực của sông Mekong và sông Hằng là những minh chứng tiêu biểu.

2.1. Phát triển bền vững đối với lưu vực sông Mekong và sông Hằng

Từ những thực trạng nêu trên, chúng ta có thể thấy rõ một điều, biến đổi khí hậu và gia tăng dân số đã có tác động to lớn đến phát triển bền vững không chỉ tại lưu vực sông Mekong và sông Hằng mà còn có tác động trên toàn thế giới. Những tác động này đã được bà Fernanda Guerrieri, Đại diện Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực Liên Hợp Quốc (FAO) nhận xét khá đầy đủ như sau: “Nếu xét trên phương diện toàn cầu, chúng ta thấy có rất nhiều mối hiểm họa. Kể từ khi bắt đầu cuộc cách mạng công nghiệp đến nay, các loại khí gây ra hiệu ứng nhà kính đã tích tụ trong bầu khí quyển với tốc độ chưa từng có trong lịch sử thế giới. Ngày nay, chúng ta có bằng chứng rất rõ về hiện tượng nóng lên của trái đất. Các loại khí gây ra hiệu ứng nhà kính sẽ tiếp tục làm tăng nhanh nhiệt độ của bầu khí quyển, làm tan các núi băng ở hai cực của trái đất khiến cho nước biển dâng lên gây ra những hậu quả hết sức tai hại cho những nước ven biển như Việt Nam. Tầng ozone vẫn tiếp tục bị tấn công bởi các chất hóa học được sử dụng phổ biến trong công nghiệp sản xuất chất dẻo,

cao su xốp, các sản phẩm phun/xịt, các loại ga và các chất khác. Cơ sở sinh học của chúng ta đang bị xuống cấp do các loài sinh vật bị tuyệt chủng với tốc độ nhanh chưa từng có kể từ thời đại khủng long đến giờ. Các loại thực vật và động vật, chim chóc và côn trùng đang bị mất đi vĩnh viễn. Đôi lúc điều này xảy ra khi chúng ta chưa kịp biết về sự tồn tại của chúng hay chúng ta chưa kịp tìm hiểu về tầm quan trọng của chúng đối với sự sống”⁽⁹⁾. Tại lưu vực của sông Mekong và sông Hằng, tình hình còn nghiêm trọng hơn do trình độ dân trí thấp và các chính sách công của các quốc gia sở hữu các con sông này vừa yếu vừa thiếu đồng bộ. Dễ dàng nhận thấy sự bất cập về tri thức và sự lạc hậu về chính sách phát triển ở các quốc gia này đã tạo nên sự thiếu hụt căn bản các tiêu chí về phát triển con người - động lực chính để phát triển bền vững - căn cứ theo Chỉ số Phát triển Con người (HDI) của Liên Hợp Quốc, đó là tình trạng:

- Giảm năng suất nông nghiệp;
- Gia tăng mất an ninh về nước;
- Tăng khả năng bị ảnh hưởng bởi những sự cố thời tiết khắc nghiệt;
- Phá vỡ các hệ sinh thái;
- Tăng rủi ro về sức khỏe.

Do trình độ nhận thức và quản lý yếu kém, chính phủ của các nước đang phát triển ở khu vực này quá chú ý đến tăng trưởng kinh tế mà không quan tâm nhiều đến phát triển bền vững. Họ chấp nhận mọi giá để có được nguồn tiền đầu tư từ bên ngoài mà hầu như không nghĩ tới cái giá phải trả trong tương lai với sự tiếp tay của các định chế tài chính lớn. “Trong nhiều trường hợp, bất chấp sự phản đối mạnh mẽ của các

cộng đồng địa phương, các tổ chức tài chính thế giới lớn như ADB, WB vẫn cứ tiến hành hỗ trợ một loạt các dự án phát triển. Trên thế giới, các nước lớn trong nhiều trường hợp đã dùng ưu thế về kinh tế, chính trị và quân sự của mình để có được tài nguyên với chi phí kinh tế ít nhất. Như trường hợp ở Nhật Bản, tuy không phải là nước thiếu gỗ nhưng vẫn là một nước đứng hàng đầu thế giới về nhập khẩu gỗ dựa trên ưu thế của mình về kinh tế và công nghệ. Các nước phát triển muốn giảm bớt hoặc tránh ô nhiễm trong nước mình đã chuyển những xí nghiệp gây nhiều ô nhiễm sang những nước đang phát triển. Để bảo vệ môi trường sống, những nước phát triển thi hành chính sách “nhập siêu” tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu sản xuất. Trong khi đó các nước đang phát triển lại “xuất siêu” nhằm có được ngoại tệ mạnh”⁽¹⁰⁾. Điều này dẫn đến một nghịch lý khó chấp nhận là: Càng thúc đẩy tăng trưởng, các nước đang phát triển càng bị ô nhiễm nặng và càng rời xa mục tiêu phát triển bền vững. Đây chính là chiếc bẫy khiến cho các quốc gia này lún sâu vào vòng luẩn quẩn mà hệ lụy của nó có thể nhìn thấy rõ trong việc quản lý và khai thác các nguồn lợi từ sông ngòi như trường hợp sông Mekong và sông Hằng mà chúng tôi sẽ đề cập đến dưới đây.

2.2. Vị trí của sông Mekong và những khó khăn trong thực hiện các chính sách công

Nói đến nguồn lợi từ các dòng sông, chúng ta thường nghĩ ngay đến thủy sản, xa hơn là những cánh đồng phù sa màu mỡ, nhưng sự thực là cái đáng giá nhất của các dòng sông chính là nước, điều này càng đúng trong trường hợp của sông Mekong. Nhìn số lượng các con đập dày

đặc trong Sơ đồ 1, chúng ta có thể nhìn thấy trước cái kết cục của sông Mekong: Một dòng sông đang “chết dần chết mòn”. Ngoài việc giảm lưu lượng dòng chảy dẫn đến triều cường và nhiễm mặn như đã nêu, trong 9 cửa chính của Mekong đổ ra biển Đông (Việt Nam gọi tên Mekong là sông Cửu Long vì lý do này) đã có 2 cửa sông đã *chết* (dẫn theo Bích Ngọc). Nếu tình trạng này không được ngăn chặn, tới một lúc, dòng Mekong nổi tiếng sẽ chỉ còn là một hệ thống hồ-đập nối liền nhau kéo dài và vừa lúa lớn nhất thế giới và vừa cá lớn thứ hai thế giới (chỉ đứng sau sông Amazon) ở Đồng bằng châu thổ Mekong tại Cambodia và Việt Nam sẽ bị xóa sổ. Lời kêu gọi *hãy cứu dòng Mekong* (save the Mekong) đã được phát ra và đã có nhiều người hưởng ứng nhưng vẫn còn vô vàn khó khăn để thực hiện điều này.



Sơ đồ 1. Hệ thống đập thủy điện cắt ngang dòng Mekong

Nguồn: <http://www.savethemekong.org>.

Khó khăn lớn nhất trong việc cứu dòng Mekong là việc thực thi các chính sách công ở phạm vi liên quốc gia, do có tới 6 quốc gia đồng sở hữu con sông này. Vấn đề chính sách công đối với nguồn nước của sông Mekong không thể giải quyết được trong phạm vi của từng quốc gia thậm chí là cả khu vực Đông Nam Á mà nó cần một trách nhiệm chung của các quốc gia. Và nếu không có các biện pháp kịp thời thì việc bức tử 1 trong 12 con sông lớn nhất thế giới này sẽ là tiền lệ xấu cho những dòng sông còn lại.

2.3. Văn hóa ứng xử đối với nguồn nước sông Hằng

Chính những ứng xử đối với sông Hằng đã và đang khiến dòng sông này trở thành một trong những dòng sông ô nhiễm nhất trên thế giới. Nói cách khác, đó chính là *mặt trái của văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên của con người*. Bên cạnh việc xả chất thải trực tiếp xuống sông Hằng của các nhà máy và các khu công nghiệp tạo nên ô nhiễm hóa chất, hủy diệt môi trường của các loài thủy sinh đã được nhiều phương tiện thông tin truyền thông nói tới, ở đây, chúng tôi chỉ đề cập đến sự hủy hoại do “vô tình” hay do thiếu hiểu biết của chính người dân với nguồn nước quan trọng mà họ đang sử dụng. Và một trong những *hành vi/văn hóa* (behavior/culture - chữ dùng của Julian Steward) có nguy cơ đầu độc sông Hằng hiện nay chính là tập tục *đốt xác-thả tro*. Vậy tại sao những tập tục đó trước đây không gây hại mà giờ đây nó lại trở thành một nguy cơ hủy diệt dòng sông? Câu trả lời chính là do quá trình gia tăng dân số và biến đổi môi trường sống. Dưới đây chúng tôi sẽ đi sâu phân tích khía cạnh này dựa vào mối tương quan

của vấn đề cân bằng sinh thái trên nền tảng lý thuyết sinh thái văn hóa của Julian Steward.

Trong số những hình thức mai táng phổ biến nhất hiện nay thì hỏa táng (đốt xác) và địa táng (chôn xác) là phổ biến nhất và cũng được coi là văn minh nhất. Một số hình thức khác như thủy táng (dìm xác) chỉ còn rất ít nơi sử dụng và chỉ sử dụng trong những trường hợp cụ thể. Điều táng (phơi xác trên cao cho chim ăn) hầu như không còn,... Trong lịch sử hơn 5.000 năm của Ấn Độ, hầu hết cư dân của nền văn minh này đã áp dụng hình thức mai táng được coi là văn minh nhất là hỏa táng. Trong quá khứ, với số dân chưa “vượt quá khả năng tái tạo của tự nhiên” và con người có nhiều thời gian hơn (do không chịu áp lực lớn như cuộc sống hiện tại), việc *đốt xác* được tiến hành khá kỹ lưỡng với nhiều củi đốt và được thực hiện trong một khoảng thời gian đủ dài để xác người tạo thành tro và *xá-lị/xá lợi* (relic) bên cạnh các nghi lễ tôn giáo khác. Tro cốt, phần còn lại của xác chết, chỉ còn rất ít và không gây ô nhiễm vì các chất phân hủy không còn nên khi thả xuống sông chúng không gây hại cho nguồn nước.

Tuy nhiên, với tốc độ tăng đến “chóng mặt” của dân số Ấn Độ trong thời gian gần đây cùng việc khai thác quá mức quỹ rừng tự nhiên trong lưu vực sông Hằng, việc *đốt xác* trở nên “cẩu thả” hơn do thiếu thời gian và củi đốt. Người dân chỉ *đốt xác* một cách tượng trưng rồi trút toàn bộ xương-thịt-tro-than cùng tất cả rác thải từ đám tang xuống sông. Chỉ riêng *điểm đốt xác* (Shmashana) tại bến sông Hằng ở Varanasi mà chúng tôi được chứng kiến mỗi ngày có tới vài trăm xác được đốt và

tất cả đều đổ xuống dòng sông thiêng. Tại Ấn Độ có tới gần 900 triệu tín đồ Hindu và tất cả họ đều muốn được đốt xác và đều muốn được thả xuống sông thiêng (đó là chưa kể đến số lượng các tín đồ Hindu ở Nepal và Bangladesh đang sinh sống trong lưu vực sông Hằng). Thế hệ nối tiếp thế hệ, tình trạng vẫn đang tiếp tục diễn như vậy! Cùng với thói quen *uống nước* sông thiêng trực tiếp, *tắm rửa* trực tiếp, *đi vệ sinh* trực tiếp xuống sông và *xả rác* trực tiếp xuống sông hàng ngày ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân⁽¹¹⁾.

Từ một dòng sông huyền thoại nổi tiếng nhất trên thế giới đến những *hành vi ứng xử phi khoa học* chỉ có một ranh giới vô cùng nhỏ hẹp. Tính phi khoa học của hành vi ứng xử này được tạo ra bởi hai nguyên nhân trọng yếu: Thói quen từ văn hóa truyền thống và quá trình phát triển thiếu bền vững. Từ việc xác định các yếu tố tạo nên sự *cân bằng sinh thái* được nêu trong lý thuyết sinh thái văn hóa của Julian Steward, dễ dàng nhận thấy sự phá vỡ tính cân bằng của tự nhiên trong quá trình phát triển của con người là nguyên nhân căn bản dẫn đến tình trạng hiện nay, đặc biệt là tình trạng *gia tăng dân số* vượt tầm kiểm soát tại lưu vực sông Hằng. Tại đây, “cách thức mà quá trình biến đổi văn hóa tạo bởi sự thích nghi với môi trường” đã bị vô hiệu hóa vì không theo kịp những biến đổi to lớn về dân số, môi trường và khí hậu. Vì vậy, vấn đề “tập hợp cách sử dụng hiệu quả phương pháp và công nghệ đối với môi trường để thu lợi từ đó; tìm hiểu các hình mẫu của hành vi/văn hóa của con người nhằm thích nghi, tồn tại với môi trường; và xác định giá trị của các hình mẫu của hành vi ảnh hưởng đối với diện

mạo của văn hóa” như Julian Steward đề xuất đã không được thực hiện một cách khoa học hoặc không thực hiện được vì con người đã gây ra những tác động vượt quá khả năng tái tạo của môi trường tự nhiên.

3. HAI DÒNG SÔNG, MỘT GÓC NHÌN ĐỐI SÁNH

Thông qua việc tìm hiểu thực trạng của sông Mekong và sông Hằng trên cơ sở lý thuyết sinh thái văn hóa như đã trình bày ở trên, có thể đi đến một nhận xét rằng, hai yếu tố quan trọng nhất hiện đang tác động mạnh mẽ đến các dòng sông hiện nay là *chính sách công* và *văn hóa ứng xử*. Thứ nhất, nếu có chính sách công hoàn thiện và có sự đồng thuận của các quốc gia, dưới sự bảo trợ của cộng đồng quốc tế (đứng đầu là Liên Hợp Quốc - thông qua Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc - UNEP), chúng ta có thể tránh việc xây đập thủy điện - nguyên nhân chính dẫn đến việc bức tử các dòng sông có lưu lượng dòng chảy lớn, giàu tiềm năng thủy điện như Mekong. Thứ hai, nếu văn hóa ứng xử đối với các dòng sông được điều chỉnh thích hợp theo khung lý thuyết sinh thái văn hóa và những tiêu chuẩn về phát triển bền vững (như các tiêu chí mà Liên Hợp Quốc đã đề ra) thì việc bảo vệ tính cân bằng sinh thái của các dòng sông không phải là không thực hiện được. Từ đó có thể đảm bảo mối quan hệ bền vững giữa *con người-môi trường-văn hóa* để bảo vệ trái đất - hành tinh xanh - ngôi nhà chung của chúng ta. Để có một cái nhìn toàn cảnh về thực trạng của sông Mekong và sông Hằng cũng như cảnh báo những nguy cơ đối với nguồn nước ở các dòng sông trên thế giới hiện nay, chúng tôi xin

được đưa ra một cái nhìn đối sánh từ những quan điểm được rút ra từ lý thuyết sinh thái văn hóa. Qua đó, đề xuất một số giải pháp để có thể cứu các dòng sông đang có nguy cơ bị hủy hoại.

3.1. Những điểm tương đồng của sông Mekong và sông Hằng

Những yếu tố tương đồng của sông Mekong và sông Hằng được thể hiện qua những điểm dưới đây.

- Là hai trong số mười hai con sông lớn nhất thế giới;
- Là hai trong bảy con sông lớn nhất châu Á có chung nguồn từ cao nguyên Tây Tạng đang cung cấp nước cho gần ½ dân số thế giới đang sinh sống trong lưu vực của nó⁽¹²⁾;
- Là hai con sông có nguồn lợi từ nông nghiệp và thủy sản quan trọng đối với cả khu vực và thế giới;
- Là hai trong số những con sông có nhiều chủng tộc sinh sống trong lưu vực;
- Là hai trong số những con sông có hệ sinh thái đa dạng nhất trên thế giới;
- Là hai con sông có tiềm năng thủy điện cao do có độ dốc và lưu lượng dòng chảy lớn;
- Là hai trong số những con sông có lượng phù sa cao góp phần tạo nên độ phì nhiêu cho đồng bằng châu thổ đang bị ngăn lại bởi các đập thủy điện;
- Là hai con sông đang chịu nhiều tác động trực tiếp của biến đổi khí hậu;
- Là hai con sông phụ thuộc các quốc gia đang phát triển, chịu sức ép của quá trình phát triển thiếu bền vững;
- Là hai con sông nằm ở khu vực có trình độ dân trí thấp;
- Là hai con sông được quản lý lỏng lẻo bởi các chính phủ thiếu trách nhiệm;

- Là hai con sông chưa có các định chế quốc tế về khai thác và sử dụng tài nguyên;
- Là hai con sông có nguy cơ bị "bức tử" cao;
- Là hai trong số những con sông bị tác động nhiều bởi tình trạng phá rừng phòng hộ;
- Là hai trong số những con sông có mức độ ô nhiễm cao;
- Là hai con sông chịu tác động lớn của vấn đề gia tăng dân số.

Từ những điểm tương đồng của sông Mekong và sông Hằng nêu trên, chúng ta có thể hệ thống hóa một cái nhìn tổng thể về thực trạng của những dòng sông quan trọng của châu Á nói riêng và trên thế giới nói chung. Từ đó có thể đi đến một nhận định chung là: Đối với các dòng sông giàu tiềm năng (đặc biệt là tiềm năng thủy điện) như Mekong được sở hữu bởi nhiều quốc gia mà không có các định chế quốc tế để quản lý có thể dẫn tới hệ quả là sự bức tử các dòng sông sẽ xảy ra trong quá trình phát triển kinh tế, đặc biệt là khi kinh tế phát triển quá nóng. Đối với các dòng sông có dân số quá cao và tỷ lệ tăng dân số quá nhanh như tại lưu vực sông Hằng, tình trạng mất cân bằng sinh thái chắc chắn sẽ xảy ra và sẽ dẫn đến một thực trạng nguy hiểm là khả năng tái tạo tự nhiên của dòng sông không còn.

3.2. Những điểm khác biệt giữa sông Mekong và sông Hằng

Bên cạnh những điểm tương đồng đã nêu ở trên thì sông Mekong và sông Hằng cũng có nhiều điểm khác biệt mà qua đó chúng ta có thể rút ra các bài học trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan dựa vào những đặc trưng riêng của mỗi cá thể.

Căn cứ vào những điểm đặc trưng riêng biệt này, chúng ta có thể xác định được các vấn đề nổi cộm của mỗi dòng sông để từ đó có thể tìm ra những giải pháp thích hợp để cứu những con sông này khỏi thảm họa và định hướng phát triển trong tương lai.

Bảng 1. Những khác biệt giữa sông Mekong và sông Hằng

	Sông Mekong	Sông Hằng
<i>Chủ sở hữu chính</i>	Không có	Ấn Độ
<i>Đặc trưng chính</i>	Là nguồn lợi kinh tế trọng yếu của khu vực Đông Nam Á	Là dòng sông thiêng của các tín đồ Hindu ở Nam Á
<i>Dân số sinh sống trong lưu vực</i>	70 triệu người	400 triệu người
<i>Thực trạng hiện nay</i>	Biến đổi dòng chảy, suy kiệt nguồn lợi	Ô nhiễm nặng, suy giảm lượng nước
<i>Nguyên nhân dẫn đến thực trạng hiện nay</i>	Do chính sách công yếu kém	Do văn hóa ứng xử lạc hậu
<i>Khung pháp lý cần thiết trong việc quản lý và khai thác nguồn lợi</i>	Quốc tế	Quốc gia, khu vực
<i>Tác động chính do biến đổi khí hậu</i>	Nhiễm mặn, triều cường	Suy giảm lượng nước
<i>Tác động chính do gia tăng dân số</i>	Đô thị hóa nhanh, giảm diện tích canh tác	Quá tải dân số, phá vỡ cân bằng tự nhiên
<i>Biến đổi có tác động lớn nhất hiện nay</i>	Môi trường	Văn hóa

KẾT LUẬN

Từ các vấn đề nêu trên, có thể nhận thấy, nguyên nhân của những thảm họa môi trường mà con người đã và đang phải gánh chịu đa số đều có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp từ chính những hành vi của con người. Cho dù đó là các hành vi ích kỷ của các chính sách công của các chính phủ hay hành vi ứng xử phi khoa học và thiếu văn hóa của người dân. Vì vậy, chỉ có con người mới có thể tự cứu họ thoát ra khỏi những thảm họa do chính họ gây ra. Khía cạnh bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu trên cơ sở bảo vệ nguồn nước là một trong những mục tiêu mà loài người phải hướng đến để có thể tránh khỏi một kết cục tồi tệ là cạn kiệt nguồn nước. Trên thực tế, vấn đề này đã được các nhà khoa học đặt ra từ lâu nhưng những giải pháp cụ thể dưới góc nhìn nhân học văn hóa.

Trong giai đoạn hiện nay, vấn đề bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước, chống biến đổi khí hậu,... đã thực sự trở nên cấp thiết vì mối quan hệ của các nhân tố có sức tác động lớn này đối với con người. Từ thực tế đó, các nhà khoa học đã đưa ra những quan điểm mới, những khái niệm mới, những hệ thống lý thuyết mới,... Theo đó, những quan niệm coi môi trường là một thực thể trong tự nhiên tách biệt với đời sống của con người đã bị loại bỏ, mà là một phần không thể thiếu trong đời sống của muôn loài trong đó có con người. Đặc biệt, trong mối quan hệ giữa môi trường với con người thì sự tác động này là một quá trình tương hỗ, có nghĩa là môi trường tác động đến đời sống của con người nhưng ngược lại con người cũng có tác động rất lớn đến môi trường thông qua

một môi trường trung gian mà chúng tôi gọi là *Môi trường văn hoá*. Vì vậy, vấn đề bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước, chống biến đổi khí hậu,... cũng chính là việc *bảo tồn các yếu tố văn hóa có giá trị và loại bỏ các yếu tố có nguy cơ gây hại* cho con người và môi trường sống. Nói cách khác, đó chính là trách nhiệm của mỗi con người trong việc *bảo vệ môi trường văn hóa*. □

CHÚ THÍCH

(1) Theo *Oil & Gas Journal*, World Oil: Số năm khai thác còn lại với lượng dự trữ tối đa được xác định như sau: Dầu mỏ: 1.342 tỉ thùng dự trữ / (85,896 triệu thùng nhu cầu một ngày * 365 ngày) = 43 năm; Khí: 1.171 BBOE/19 BBOE = 60 năm; Than: 4.416 BBOE/29,85 BBOE = 148 năm.

(2) Xem: <http://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83nh%C3%B3a>.

(3) Công ước về sự biến đổi khí hậu toàn cầu được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua năm 1988 qua Nghị quyết số 43/53.

(4) Sông Hằng ở Ấn Độ, sông Mekong ở Đông Nam Á, sông Hoàng Hà và sông Dương Tử ở Trung Quốc.

(5) Tám con đập được xây dựng tại Trung Quốc đều có dung lượng tích nước lớn, riêng đập Tiểu Loan cao 292m là đập cao nhất thế giới, dung lượng tích nước của nó tương đương toàn bộ hồ chứa ở Đông Nam Á cộng lại. Đây chính là tác nhân dẫn đến triều cường tại TPHCM và ngập mặn tại Nam Bộ đang diễn ra hết sức gay gắt hiện nay. Xem thêm: “*Bức tử sông Mekong với đập cao 292m*”, trong: <http://tuoitre.vn/The-gioi/317599/%E2%80%9CBuc-tu%E2%80%9D-song-Mekong-voi-dap-cao-292m.html>.

(6) Xem: <http://nongnghiep.vn/nongnghiepv/72/122/21/87184/Dai-dich-cai-chet-den.aspx>.

(7) Haroun Er Rashid & Babar Kabir, *Water Resources and Population Pressures in the*

Gangas River Basin,

<http://www.aaas.org/international/ehn/waterpop/bang.htm>.

(8) Theo *Tạp chí hoạt động khoa học*. <http://www.tchdkh.gov.vn>.

(9) Trích phát biểu của bà Fernanda Guerrieri, Đại diện Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực Liên Hợp Quốc (FAO) nhân Ngày Môi trường Thế giới, 5/6/1999 tại Hà Nội.

(10) Theo *Tạp chí hoạt động khoa học* <http://www.tchdkh.gov.vn>.

(11) Các xét nghiệm gần đây trên mẫu nước thu thập ở thành phố Varanasi cho thấy, lượng vi khuẩn E. coli đã lên cao 50.000 dv/100ml. Theo nhiều chuyên gia, khoảng 80% các vấn đề sức khỏe và 1/3 số người Ấn Độ chết hàng năm là do nước sông Hằng. Theo <http://bee.net.vn/channel/1990/201011/an-do-ta-xac-troi-song-roi-lai-lay-nuoc-an-uong-1778017/>.

(12) Bao gồm: Brahmaputra (Tây Tạng, Ấn Độ); Hoàng Hà và Dương Tử (Trung Quốc); Sông Hằng và sông Ấn (Nepal, Ấn Độ, Pakistan, Bangladesh); Inrawady (Myanma); Mekong (Trung Quốc, Myanma, Lào, Thái Lan, Việt Nam, Cambodia). Dân cư trong lưu vực của các con sông này là hơn 3 tỷ người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bích Ngọc. *Vựa lúa của Việt Nam đang bị đe dọa nghiêm trọng*. Theo: thiennhien.net. Xem: <http://www.vi.futureown.com/?p=3429>.

2. Haroun Er Rashid & Babar Kabir. *Water Resources and Population Pressures in the Gangas River Basin*. <http://www.aaas.org/international/ehn/waterpop/bang.htm>.

3. <http://www.cop17-cmp7durban.com/en/south-africa-on-climate-change/what-can-you-do.html>.

4. http://www.globalchange.umich.edu/globalchange2/current/lectures/human_pop/human_pop.html.
5. Joralemon, David. 2010. *Exploring Medical Anthropology*. Upper Saddle River. NJ: Prentice Hall.
6. Khổng Loan. *Giá lương thực tăng kỷ lục*. Theo: Tuổi trẻ <http://tuoitre.vn/The-gioi/473917/Gia-luong-thuc-tang-ky-luc.html>.
7. N.T. Đ A. “Bức tử” sông Mekong với đập cao 292m. Trong: <http://tuoitre.vn/The-gioi/317599/%E2%80%9CBuc-tu%E2%80%9D9D-song-Mekong-voi-dap-cao-292m.html>.
8. Nguyễn Hường (tổng hợp). *Thả xác trôi sông rồi lại lấy nước ăn uống*. Trong: <http://bee.net.vn/channel/1990/201011/an-d-o-tha-xac-troi-song-roi-lai-lay-nuoc-an-uong-1778017/>
9. Nguyễn Lân Dũng. *Đại dịch Cái chết đen*. Trong: <http://nongnghiep.vn/nongnghiepv/2/122/21/87184/Dai-dich-cai-chet-den.aspx>.
10. Phạm Thành Sơn. *Dòng Mekong bị bức tử - Nguy cơ cận kề*. Trong: <http://www.baomoi.com/Dong-song-Mekong-bi-buc-tu-nguy-co-can-ke/122/3112395.epi>
11. Tạp chí hoạt động khoa học. <http://www.tchdkh.gov.vn>
12. Steward, Julian. 1955. *Theory of Culture Change: The Methodology of Multilinear Evolution*. Urbana: University of Illinois Press.
13. Trần Châu. *Cửu Long Giang 2 con rồng đã mất*. Trong: <http://dwr.gov.vn/index.php/vi/news/Tai-nguyen-nuoc/Cuu-Long-Giang-2-con-rong-da-mat-2221/>.
14. *10 Ways to Protect Rivers from Climate Change and Dams*. Trong: <http://www.internationalrivers.org/take-action-climate>.
15. Việt Báo. 2005. *Hai tỷ người đang khát*. Ngày 26/1/2005. <http://vietbao.vn/Khoa-hoc/2-ty-nguoi-dang-khat/45126383/188/>.

(Tiếp theo trang 63)

đây đã được nhiều khách Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản tới tham quan về mô hình thờ cúng tổ tiên của người Việt hiện nay.

Chăm sóc phần mộ tổ tiên là một nét văn hóa truyền thống của người Việt nhưng có lẽ không nhất thiết phải đua nhau như vậy. Nhiều gia đình đã lâm vào tình trạng kinh tế khó khăn, anh em bất đồng với những khoản đóng góp không nhỏ cho việc xây

dựng phần mộ, nhà thờ như vậy. Đúng như tác giả Phan Kế Bính đã nói, chúng ta cần tìm một cách nào để tránh lãng phí và phiền hà cho những người thân đang sống thì có lẽ cũng sẽ hợp ý tổ tiên hơn. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Kế Bính. 1999. *Việt Nam phong tục*. Hà Nội: Nxb. Hà Nội.